

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P4+PVD2	7:25	4+8+10	0+0+0		1+9+12	0+0+0	
2		PVD2+BK5	9:25	22+0	0+0		17+5	0+0	

FTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P5 - P4 - PVD2	CREW: Vận - N.Anh - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN	P5	67	1	17	40	99	KHOAN	Russian
2	PHAN THIEN SON	P5	66	1	11		65	DVL	Vietnamese
3	VÔ CHI THANH	P5	64-65	2	15		76	DVL	Vietnamese
4	PHẠM VĂN SANG	P5	63	1	13		70	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P4	33	1	9	30	65	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VĂN THIẾT	P4	30	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TÀ QUỐC CHÍNH	P4	34	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	P4	80-81	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
9	KIM VĂN TÍNH	P4	37-38	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI TRỌNG HỒI	P4	36	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN NAM	P4	35	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN TUÂN	P4	31	1	12	18	62	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI XUAN THEM	PVD2	61	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG THE TAI	PVD2	63	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG QUAN	PVD2	64	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
16	CU DINH TUNG	PVD2	59	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DUC CUONG	PVD2	62	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN TUAN NGHIA	PVD2	60	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	VU DUC CANH	PVD2	67	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN HUY NINH	PVD2	58	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC THUONG	PVD2	65	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
22	MAI VAN LUAN	PVD2	66	1	7		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	4	5	56	310	40	1		
2	P4	8	10	107	549	48	9		
3	PVD2	10	10	71	699	0	12		
TOTAL		22	25	234	1.558	88	22		
WEIGHT KG				234	1.558	88			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	TO: PVD2 - BK5	CREW: Vậ - N.Anh - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHUONG	PVD2	82	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	BUI TUAN VU	PVD2	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	LE NGOC HOA	PVD2	75	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	TO TRINH DUC	PVD2	78	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
5	NGO BA HOANG	PVD2	86	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG VAN NGUYEN	PVD2	76	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
7	VUONG DUC ANH	PVD2	68	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CHI THANG	PVD2	88	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN NGHIA	PVD2	83	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	DO PHU DAT	PVD2	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	TA NGOC HA	PVD2	91	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VAN TIEN	PVD2	80	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC VIET	PVD2	72	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	BUI XUAN DIEP	PVD2	79	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
15	LE QUANG DAO	PVD2	74	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	73	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	LE SY MINH	PVD2	71	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH QUANG DINH	PVD2	92	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN PHU QUOC	PVD2	69-70	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN XUAN THUY	PVD2	87	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM XUAN THO	PVD2	89-90	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN MINH VU	PVD2	84-85	2	15		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	25	148	1.457	0	17		
2	BK5	0	0	0	0	40	5		
TOTAL		22	25	148	1.457	40	22		
WEIGHT KG				148	1.457	40			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+P2+TD3	7:25	14+4+2	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
2		TD1+P3+CLO	7:25	14+1+6	0+0+0		7+0+15	0+0+0	
3		CTK3+P1+TD1+PVD2	9:25	7+0+11+0	0+0+0		1+3+16+2	0+0+0	THEM PVD2 NGUOI NHA MAT

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/10/2020	TO: CLO - P2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Nnam	ETA: 09:10
xanh-1			

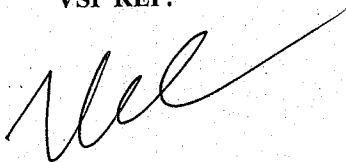
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU DUNG	CLO	29	1	10	80	70	D-HANH	Vietnamese
2	DO NGOC HOAN	CLO	40	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHUNG NGUYEN NGOC	CLO	28	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHOA	CLO	25	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	SHUKHOMLIN	CLO	23	1	5		120	KHOAN	Russian
6	KIRICHENKO K.P	CLO	22	1	5		80	KHOAN	Russian
7	KARAVKA IVAN	CLO	38-39	2	15		105	KHOAN	Russian
8	SMAKOV A.A	CLO	26	1	8		80	KHOAN	Russian
9	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	33-34	2	12		76	KHOAN	Vietnamese
10	VU THE NANG	CLO	20	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUONG LONG	CLO	27	1	5	50	72	KHOAN	Vietnamese
12	DANG KIM DUONG	CLO	24	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN LY	CLO	19	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN LONG	CLO	21	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM QUANG HUY	P2	76	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LE TU KHA	P2	70,96	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
17	TRUONG DUC MANH	P2	77	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUNG	P2	74-75	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM THANH NAM	TD3	76	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
20	DINH VAN THIEN	TD3	77-78	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

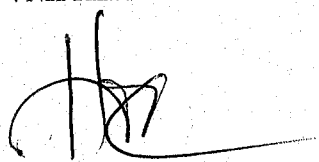
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	16	98	1.084	130	13		
2	P2	4	6	50	279	0	5		
3	TD3	2	3	30	135	0	4		
TOTAL		20	25	178	1.498	130	22		
WEIGHT KG				178	1.498	130			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

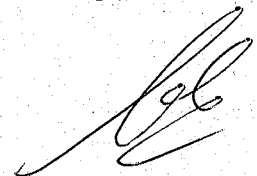
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - P3 - CLO	CREW: QViệt - Khang - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	57	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
2	TELESHENKO IVAN	TD1	85	1	15		115	KHOAN	Russian
3	VŨ NGỌC QUANG	TD1	90	1	4		80	DNV	Vietnamese
4	HOANG VĂN NAM	TD1	58	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ BA PHUONG	TD1	91	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1	82	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ QUỐC BAO	TD1	285	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH XUÂN HOA	TD1	84	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TOÀN THẮNG-PVD	TD1	56	1	9	55	72	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG ANH TUÂN	TD1	286	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	83	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NGỌC QUAN-PVD	TD1	87-89	3	15		76	KHOAN	Vietnamese
14	BUI NGỌC QUANG	TD1	287	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUY	TD1	86	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ HỜI	P3	84	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ QUỐC DŨNG*PK-PVD	CLO	55	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN ĐÔNG	CLO	60	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN BUI QUANG	CLO	61	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN VIET	CLO	54	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM HAI ĐĂNG	CLO	56	1	7	50	66	D-HANH	Vietnamese
22	PLOKHOTNHIUK	CLO	53	1	5	40	105	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	16	92	1.119	55	7		
2	P3	1	1	7	63	0	0		
3	CLO	6	6	38	452	90	15		
TOTAL		22	23	137	1.634	145	22		
WEIGHT KG				137	1.634	145			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/10/2020	TO: CTK3 - P1 - TD1 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Nnam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TIẾN DŨNG	CTK3	31	1	8		71	CO DIEN	Vietnamese
2	CHU TUÂN ANH	CTK3	32-33	2	10		64	CO DIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG CÔNG DANH	CTK3	24-25	2	17	80	65	CO DIEN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUY	CTK3	26-27	2	12		62	CO DIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	CTK3	34	1	15	60	82	CO DIEN	Vietnamese
6	VŨ NGỌC CANH	CTK3	29-30	2	17		78	CO DIEN	Vietnamese
7	ĐOÀN VIỆT ĐỒNG	CTK3	28	1	10		76	CO DIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TRI	TD1	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY KHIEM	TD1	395	1	6		70	D-HANH	Vietnamese
11	BELIAEV	TD1	35	1	10		70	KH-THAC	Russian
12	N. QUỐC KHÔI	TD1	36	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	TD1	396	1	10		82	DVL	Vietnamese
14	LÀ MINH TỬ	TD1	95	1	5		65	DVL	Vietnamese
15	VŨ HOANG TÂN	TD1	01-03	3	17		92	DVL	Vietnamese
16	HOÀNG MINH DŨNG	TD1	393-394	2	17		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HUNG DŨNG	TD1	91	1	7		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	93-94	2	15		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	7	11	89	498	140	1		
2	P1	0	0	0	0	5	3		
3	TD1	11	15	102	796	0	16		
4	PVD2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		18	26	191	1.294	145	22		
WEIGHT KG				191	1.294	145			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN